

# Phát triển doanh nghiệp thành phố Cần Thơ giai đoạn 2011-2018 và vị thế trong phát triển doanh nghiệp vùng Tây Nam bộ<sup>1</sup>

Đặng Thái Bình<sup>(\*)</sup>

Vũ Hùng Cường<sup>(\*\*)</sup>

Phí Vĩnh Tường<sup>(\*\*\*)</sup>

Trần Văn Hoàng<sup>(\*\*\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Sự phát triển của doanh nghiệp (DN) thành phố Cần Thơ, trung tâm vùng Tây Nam bộ (TNB), những năm qua khá ấn tượng và dần khẳng định vai trò động lực phát triển của vùng. Trên cơ sở số liệu điều tra DN giai đoạn 2011-2018, nhóm nghiên cứu chỉ ra thực trạng và những vấn đề phát triển của các DN thành phố Cần Thơ. Những vấn đề đó cần được giải quyết để củng cố và phát huy vai trò động lực tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ đối với vùng TNB.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, Động lực phát triển, Cần Thơ, Tây Nam bộ, Việt Nam

**Abstracts:** The recent development of enterprises in Can Tho city, the center of southwestern region of Vietnam, has been moderately impressive which has gradually affirmed the role of the region as a driving force of the development. Based on the 2011-2018 enterprise survey data, the research team points out the current situation and development issues of enterprises in Can Tho city, which need to be addressed to strengthen and promote the role of Can Tho city as a driving force of economic growth in the region.

**Keywords:** Enterprises, Driving Force of Development, Can Tho, Southwest, Vietnam

---

<sup>1</sup> Báo cáo là sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước “Giải pháp phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới”, mã số KHCV-TNB.ĐT/14-19/X15, do PGS.TS. Vũ Hùng Cường làm Chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì thực hiện năm 2018-2020, thuộc Chương trình Tây Nam bộ.

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: dangthaibinh1985@gmail.com

<sup>(\*\*)</sup> PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: vuhungcuong07@gmail.com

<sup>(\*\*\*)</sup> TS., Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: phivinhtuong@gmail.com

<sup>(\*\*\*\*)</sup> ThS., Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: tranvanhoang11@gmail.com

## 1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp thành phố Cần Thơ

Trong giai đoạn 2011-2018, số DN đang hoạt động của thành phố Cần Thơ có nhiều biến động, với xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013 và tăng trở lại kể từ năm 2014. Sự biến động này khá lớn giữa các năm. Trong xếp hạng các tỉnh/thành phố theo số lượng DN, thành phố Cần Thơ

tụt 4 bậc, từ vị trí thứ 9 (năm 2011) xuống vị trí thứ 13 (năm 2018). Bên cạnh đó, vai trò của DN thành phố Cần Thơ cũng giảm tương đối, khi tỷ trọng DN thành phố này trong tổng số DN cả nước giảm từ 1,31% (năm 2011) xuống 1,17% (năm 2018). Rõ ràng, sự phát triển của các DN thành phố Cần Thơ chưa tương xứng với kỳ vọng về vị thế của một thành phố trực thuộc Trung

ương cũng như vai trò là một trụ cột phát triển kinh tế trong vùng kinh tế trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long, dù số lượng DN thành phố Cần Thơ vẫn giữ vị trí dẫn đầu vùng TNB. Tỷ lệ DN của thành phố Cần Thơ trong tổng số DN vùng TNB dao động trong khoảng 13-16% trong giai đoạn 2011-2018 và chiếm tỷ trọng cao nhất (16%) vào năm 2017 (Xem: Bảng 1).

Sự biến động của DN thành phố Cần Thơ, có một phần nguyên nhân từ sự rút lui của các DN hoạt động không hiệu quả. Ví dụ, số DN của thành phố Cần Thơ bị thua lỗ năm 2016 tăng 30,6% so với năm 2015, hay DN bị phá sản trong giai đoạn 2017-2018 tăng gần 44% so với năm 2016 (*Thời báo doanh nhân*, 2020).

Về cơ cấu DN theo hình thức sở hữu: trong tổng số DN của thành phố Cần Thơ, DN ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng lên, từ 98,5% (năm 2011) lên 99,1% (năm 2018). Các DN FDI chiếm

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu phản ánh sự phát triển của số lượng doanh nghiệp thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2011-2018**

Năm	Tổng số DN	Xếp hạng cả nước	Xếp hạng trong vùng TNB	Tỷ lệ DN Cần Thơ trong tổng số DN cả nước	Tỷ lệ DN Cần Thơ trong tổng số DN TNB
2011	4.410	9	1	1,31%	15,5%
2012	4.038	12	1	1,13%	14,1%
2013	3.919	14	1	1,03%	13,1%
2014	4.340	13	1	1,07%	14,0%
2015	4.718	13	1	1,05%	14,2%
2016	5.941	10	1	1,15%	15,4%
2017	6.958	12	1	1,19%	16,0%
2018	7.030	13	1	1,17%	15,2%

Nguồn: Số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê<sup>1</sup>.

**Bảng 2: Cơ cấu doanh nghiệp thành phố Cần Thơ phân chia theo loại hình sở hữu**

Năm	DN nhà nước		DN ngoài nhà nước		DN FDI	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2011	43	1,0%	4.345	98,5%	21	0,5%
2012	41	1,0%	3.968	98,3%	29	0,7%
2013	43	1,1%	3.850	98,3%	25	0,6%
2014	37	0,9%	4.278	98,6%	25	0,6%
2015	39	0,8%	4.654	98,6%	25	0,5%
2016	34	0,6%	5.865	98,9%	29	0,5%
2017	33	0,5%	6.890	99,1%	33	0,5%
2018	31	0,4%	6.967	99,1%	32	0,5%

Nguồn: Số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

<sup>1</sup> Trong nghiên cứu này, các kết quả tính toán của chúng tôi dựa trên nguồn số liệu điều tra DN hàng năm của Tổng cục Thống kê. Với đặc điểm điều tra chọn mẫu, số lượng DN trong các tính toán có sự khác biệt nhất định với số lượng DN công bố trong Sách trắng DN Việt Nam năm 2019.

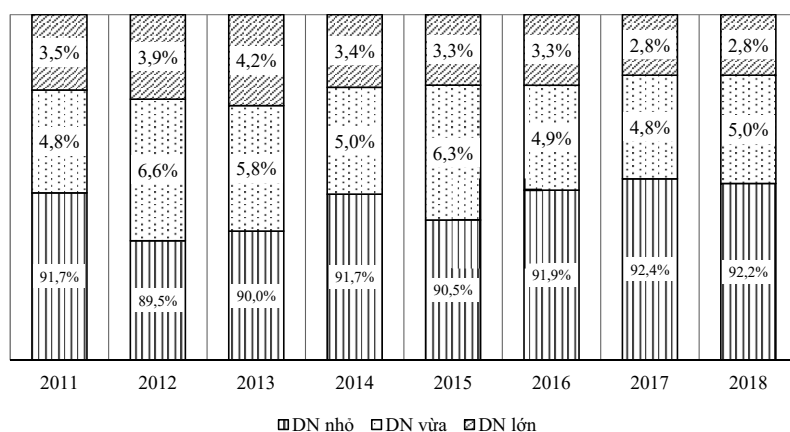
tỷ trọng nhỏ, ở mức 0,5% (năm 2018) do có ít DN FDI đầu tư mới. Năm 2011, thành phố Cần Thơ có 21 DN FDI; sau 7 năm, Thành phố chỉ thu hút thêm 11 DN FDI, nâng con số lên 32 DN FDI vào năm 2018. Tỷ lệ DN nhà nước chiếm tỷ trọng nhỏ và giảm từ 1% (năm 2011) xuống còn 0,4% (năm 2018), một phần do thực hiện chủ trương cổ phần hóa DN nhà nước của Chính phủ (Xem: Bảng 2).

*Về cơ cấu DN theo quy mô vốn:* trong tổng số DN của thành phố Cần Thơ, nhóm DN quy mô nhỏ chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 90-92%; nhóm DN quy mô vừa chiếm khoảng 4-6%; và nhóm DN quy mô lớn chiếm khoảng 3-4%. Số DN quy

mô nhỏ cao gấp hơn 15 lần số DN quy mô vừa và gấp hơn 22 lần số DN quy mô lớn (Xem: Hình 1). Nhóm DN quy mô nhỏ có xu hướng tăng theo thời gian, trong khi nhóm DN quy mô lớn thì ngược lại. Nhóm DN quy mô vừa có xu hướng duy trì ổn định trong 4 năm gần đây. Cơ cấu đó phản ánh thực trạng các DN thành phố Cần Thơ không có sự đầu tư mở rộng quy mô sản xuất trong những năm gần đây.

*Về cơ cấu DN theo quy mô lao động:* nhóm DN có quy mô siêu nhỏ chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng theo thời gian, tăng 9 điểm phần trăm từ khoảng 72% (năm 2011) lên 81% (năm 2018). Trong khi đó, nhóm DN quy mô nhỏ giảm tỷ trọng

**Hình 1: Cơ cấu doanh nghiệp thành phố Cần Thơ theo quy mô vốn**



Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

**Bảng 3: Cơ cấu doanh nghiệp thành phố Cần Thơ theo quy mô lao động**

Năm	Quy mô siêu nhỏ	Quy mô nhỏ	Quy mô vừa	Quy mô lớn
2011	71,9%	25,0%	1,3%	1,8%
2012	71,2%	25,2%	1,3%	2,3%
2013	71,1%	25,5%	1,2%	2,2%
2014	72,3%	24,4%	1,3%	2,1%
2015	74,5%	22,3%	1,3%	1,9%
2016	76,2%	21,2%	1,0%	1,6%
2017	78,2%	19,6%	0,9%	1,3%
2018	80,9%	17,0%	0,9%	1,3%

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

ngày càng nhiều nhất, âm 8 điểm phần trăm, từ 25% (năm 2011) xuống 17% (năm 2018). Tương tự như đánh giá sự biến động theo quy mô vốn, nhóm DN quy mô lớn có xu hướng giảm tỷ trọng theo thời gian, từ 1,8% (năm 2011) xuống 1,3% (năm 2018) (Xem: Bảng 3). Điều này cho thấy, biến động của cơ cấu DN theo quy mô lao động phản ánh thực tế các DN có xu hướng nhỏ dần. Quan trọng hơn, cơ cấu này phản ánh sự mất cân đối trong phát triển DN, khi nhóm DN quy mô vừa và lớn, đặc biệt là nhóm quy mô nhỏ, giảm tỷ trọng.

Cơ cấu DN, xét theo tiêu chí lao động hay tiêu

chí vốn, đều phản ánh thực trạng DN thành phố Cần Thơ đang trở nên “teo tóp”.

Về cơ cấu DN theo ngành kinh tế: đa số DN thành phố Cần Thơ hoạt động trong khu vực dịch vụ và có xu hướng tăng nhẹ. Năm

2018, tỷ lệ DN trong khu vực dịch vụ chiếm gần 69%. Các DN trong khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp nhất nhưng có xu hướng tăng. Trong khi đó, nhóm DN công nghiệp và xây dựng có xu hướng giảm (Xem: Bảng 4). Nếu coi thể mạnh của

**Bảng 4: Số lượng và cơ cấu doanh nghiệp thành phố Cần Thơ theo khu vực kinh tế**

Năm	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		Công nghiệp và xây dựng		Dịch vụ	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2011	38	0,9%	1.513	34,3%	2.858	64,8%
2012	50	1,2%	1.401	34,7%	2.587	64,1%
2013	50	1,3%	1.319	33,7%	2.549	65,1%
2014	38	0,9%	1.424	32,8%	2.878	66,3%
2015	44	0,9%	1.513	32,1%	3.161	67,0%
2016	69	1,2%	1.803	30,4%	4.056	68,4%
2017	98	1,4%	2.098	30,2%	4.760	68,4%
2018	104	1,5%	2.090	29,7%	4.836	68,8%

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

**Bảng 5. Số lượng doanh nghiệp thành phố Cần Thơ theo ngành nghề kinh doanh**

Ngành	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và các xe có động cơ khác	1.618	1.435	1.481	1.720	1.915	2.342	2.764	2.805
Xây dựng	679	619	579	641	690	872	1.071	1.081
Công nghiệp chế biến, chế tạo	776	725	688	722	762	864	954	941
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	315	294	276	293	307	510	533	543
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	316	287	271	297	312	354	401	394
Vận tải, kho bãi	213	191	180	205	233	308	338	342
Hoạt động tài chính và dịch vụ hỗ trợ	100	98	99	111	108	162	253	263
Hoạt động kinh doanh bất động sản	89	72	66	63	73	99	123	133
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	38	50	50	38	44	69	98	104
Hoạt động dịch vụ khác	47	49	39	55	51	71	82	92
Giáo dục và đào tạo	34	41	41	43	48	57	81	78
Thông tin và truyền thông	54	48	32	38	57	54	71	63
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	22	21	23	17	19	50	53	59
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	20	23	21	27	23	28	36	33
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt,...	31	29	27	29	34	36	35	32
Hoạt động tài chính, bảo hiểm và ngân hàng	36	37	28	25	21	27	32	32
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	14	14	13	11	17	22	26	32
Khai khoáng	7	5	4	5	4	3	2	3

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

thành phố Cần Thơ và của vùng TNB là nông nghiệp, thị sự phát triển của DN thành phố Cần Thơ từ góc độ ngành kinh tế phản ánh thực trạng thiếu vắng nhóm DN nông nghiệp và chế biến nông sản, những DN có khả năng giúp khai thác lợi thế nói trên. Đây là vấn đề phát triển DN của thành phố Cần Thơ và của vùng TNB bởi đã có sự quan tâm ưu đãi trong định hướng của các bộ, ngành và Chính phủ.

Theo phân ngành cấp 2, năm 2018 thành phố Cần Thơ có gần 70% tổng số DN hoạt động trong ba ngành chính, đó

là: (i) bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và các xe có động cơ khác (40%); (ii) xây dựng (15,4%); và (iii) công nghiệp chế biến, chế tạo (13,4%). Số DN trong mỗi ngành còn lại đều chiếm tỷ lệ dưới 10%. Các DN kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản của Thành phố giảm cả số lượng và tỷ lệ trong giai đoạn 2011-2014 nhưng tăng nhanh trở lại trong giai đoạn 4 năm sau đó, từ 63 DN (năm 2014) tăng lên 133 DN (năm 2018) (Xem: Bảng 5). Về mặt tổng thể, ngành dịch vụ tuy có sự phát triển nhưng trong cơ cấu đó vẫn thiếu nhóm DN dịch vụ hỗ trợ cho khu vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến chế tạo phát triển.

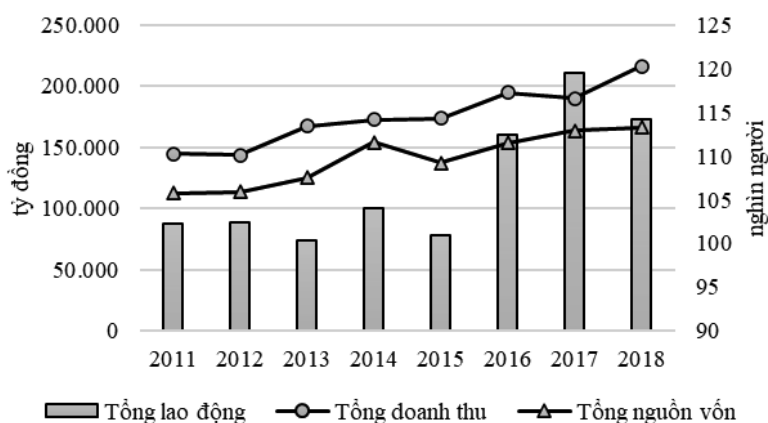
## 2. Thực trạng phát triển và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ

### \* Về thực trạng phát triển

Dựa vào các chỉ tiêu tài chính DN, bài viết đánh giá thực trạng phát triển và năng lực cạnh tranh của DN thành phố Cần

Thơ qua các chỉ tiêu: tổng vốn, tổng doanh thu và tổng số lao động. Trong giai đoạn 2015-2018, quy mô vốn của các DN có xu hướng tăng chậm, phản ánh những khó khăn trong tích lũy vốn và/hoặc trong huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất. Tổng số lao động của các DN tăng nhanh trong giai đoạn 2016-2017 nhưng giảm mạnh vào năm 2018, phản ánh vai trò phát triển việc làm của các DN thành phố Cần Thơ có xu hướng giảm. Tổng doanh thu của DN có xu hướng tăng nhưng không ổn định (Xem: Hình 2).

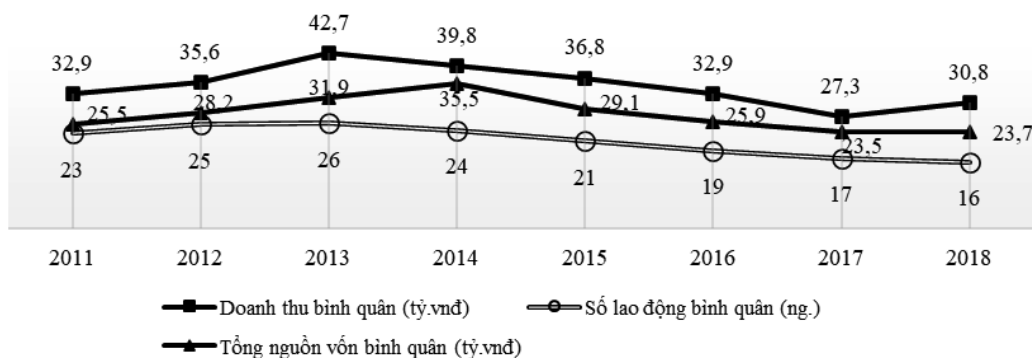
Hình 2: Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ giai đoạn 2011-2018



Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

Quy mô vốn bình quân một DN của thành phố Cần Thơ tăng nhanh, từ 25,5 tỷ đồng/DN lên 35,5 tỷ đồng/DN trong giai đoạn 2011-2014. Tuy nhiên, trong giai đoạn sau lại giảm dần, và chỉ còn bình quân 23,7 tỷ đồng/DN năm 2018. Lý giải cho điều này là do có sự gia tăng của các DN quy mô siêu nhỏ và nhỏ như đã phân tích ở trên. Cùng xu hướng này, quy mô lao động bình quân một DN cũng diễn biến tương tự, bình quân một DN điển hình của Thành phố có 23 lao động/DN (năm 2011), tăng lên 26 lao động/DN (năm 2013) nhưng giảm xuống còn 16 lao động

Hình 3: Giá trị bình quân một số tiêu chí tài chính của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ



Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

Bảng 6: Vị thế của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ giai đoạn 2011-2018 theo chỉ tiêu tổng vốn, tổng doanh thu và tổng số lao động

Năm	Tổng vốn		Tổng doanh thu		Tổng số lao động	
	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB
2011	11	2	10	1	22	2
2012	14	2	13	1	26	3
2013	14	2	10	1	26	3
2014	14	2	14	2	27	3
2015	18	2	14	2	28	3
2016	20	2	14	2	28	3
2017	20	2	15	2	27	3
2018	25	3	18	2	29	3

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

(năm 2018). Doanh thu bình quân một DN giảm theo thời gian trong giai đoạn nghiên cứu, và đây chính là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong tích lũy vốn tái đầu tư hoặc trong vay vốn (Xem: Hình 3).

Vị thế của DN thành phố Cần Thơ được phản ánh rõ hơn trong so sánh giữa sự phát triển của các DN thuộc thành phố này với sự phát triển của các DN thuộc 62 tỉnh/thành phố còn lại của cả nước trong giai đoạn 2011-2018 theo ba chỉ tiêu: tổng vốn, tổng doanh thu và tổng số lao động. Kết quả cho thấy, vị thế của DN thành phố Cần Thơ ở cả ba chỉ tiêu đều tụt hạng: (1) chỉ tiêu tổng vốn DN tụt 14 bậc, từ thứ 11 (năm 2011) xuống thứ 25 (năm 2018); (2) chỉ tiêu tổng doanh thu DN tụt 8 bậc, từ thứ 10

(năm 2011) xuống thứ 18 (năm 2018); và (3) chỉ tiêu tổng số lao động DN tụt 7 bậc, từ thứ 22 (năm 2011) xuống thứ 29 (năm 2018). Không chỉ mất vị thế trong tương quan với DN của 62 tỉnh/thành phố, DN thành phố Cần Thơ còn mất vị thế trong tương quan so sánh với các DN vùng TNB ở cả ba chỉ tiêu này (Xem: Bảng 6).

So sánh DN thành phố Cần Thơ với DN 62 tỉnh/thành phố còn lại của cả nước theo chỉ tiêu bình quân vốn, bình quân doanh thu, bình quân lao động cho thấy, vị thế DN thành phố Cần Thơ theo chỉ tiêu bình quân vốn tụt 29 bậc, từ thứ 16 (2011) xuống thứ 45 (2018); chỉ tiêu bình quân doanh thu DN tụt 14 bậc, từ thứ 15 (2011) xuống thứ 29 (2018); chỉ tiêu bình quân lao động DN

**Bảng 7: Vị thế của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ theo chỉ tiêu bình quân vốn, bình quân doanh thu, bình quân lao động**

Năm	Bình quân vốn		Bình quân doanh thu		Bình quân lao động	
	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB	Vị thế trong cả nước	Vị thế trong TNB
2011	16	3	15	4	51	10
2012	18	4	15	3	44	7
2013	16	3	11	3	41	7
2014	20	3	16	4	45	8
2015	28	3	19	4	48	9
2016	33	5	25	6	52	11
2017	41	7	31	9	51	11
2018	45	9	29	6	51	11

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

luôn nằm trong nhóm 20 địa phương có thứ hạng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2018. Sự suy giảm vị thế của DN thành phố Cần Thơ không chỉ diễn ra trong tương quan so sánh với các tỉnh/thành phố của cả nước mà cả trong so sánh với các địa phương vùng TNB (Xem: Bảng 7).

**\* Về kết quả hoạt động của doanh nghiệp**

Trong giai đoạn 2011-2018, số DN thành phố Cần Thơ hoạt động có lãi chiếm khoảng 60-70% tổng số DN. Theo ngành kinh doanh, các DN hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là nhóm có nhiều DN có lãi với tỷ lệ ổn định theo thời

gian. Ngược lại, trong lĩnh vực nông nghiệp, kết quả kinh doanh của các DN không tốt khi tỷ lệ DN có lãi giảm nhanh theo thời gian. Năm 2018, chỉ có khoảng 22% số DN nông nghiệp có lãi (Xem: Bảng 8). Đây là vấn đề phát triển của thành phố Cần Thơ, khi ngành nông nghiệp được coi là có tiềm năng phát triển và được sự quan tâm và hỗ trợ của Chính phủ trong giai đoạn vừa qua.

Theo hình thức sở hữu, nhóm DN nhà nước là nhóm có nhiều DN có lợi nhuận. Tiếp đến là nhóm DN FDI và cuối cùng là nhóm DN ngoài nhà nước. Nói cách khác, kết quả kinh doanh của DN ngoài nhà nước

**Bảng 8: Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi theo các tiêu chí lĩnh vực hoạt động, hình thức sở hữu, quy mô vốn**

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Chung	67,5	57,7	66,8	64,7	48,6	62,3	64,2	59,1
Theo lĩnh vực hoạt động								
Nông nghiệp	84,2	70,0	68,0	81,6	59,1	60,9	43,9	22,1
Công nghiệp và xây dựng	69,7	61,9	68,5	67,6	61,4	66,9	68,0	63,8
Dịch vụ	66,2	55,1	65,9	63,0	42,3	60,3	63,0	57,9
Theo hình thức sở hữu								
Nhà nước	74,4	78,0	79,1	78,4	82,1	88,2	97,0	74,2
Ngoài nhà nước	67,4	57,3	66,6	64,6	48,2	62,2	63,9	59,1
FDI	81,0	75,9	72,0	56,0	64,0	55,2	93,9	56,3
Theo quy mô (vốn)								
Quy mô nhỏ	67,3	57,5	66,2	64,4	46,8	61,6	63,1	58,3
Quy mô vừa	67,1	57,0	72,4	65,6	62,4	67,0	78,4	68,3
Quy mô lớn	72,7	62,0	70,9	69,9	72,1	76,3	78,5	69,5

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

kém hơn so với kết quả kinh doanh của nhóm DN thuộc hai khu vực sở hữu còn lại. Mặt khác, nó cũng phản ánh hiệu quả của các chính sách hỗ trợ DN khu vực kinh tế tư nhân của Trung ương và địa phương, như các chính sách liên quan đến phát triển DN nhỏ và vừa còn hạn chế.

Theo quy mô DN, nhóm DN quy mô lớn và quy mô vừa có tỷ lệ DN có lãi cao hơn nhóm DN quy mô nhỏ. Trong khi đó, các

### \* Về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp

Theo các chỉ tiêu lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) và lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu (ROE), với các ngưỡng đánh giá tiêu chuẩn<sup>1</sup>, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các DN thành phố Cần Thơ được phản ánh như sau:

Về tổng thể, nhóm DN có triển vọng phát triển và giữ vai trò động lực phát

**Bảng 9: Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thành phố Cần Thơ<sup>2</sup>**

DN	Phân loại   Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	
Nhà nước	ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng	6	6	5	6	9	9	6	5
		Tỷ lệ (%)	20	20	50	21	29	31	19	22
	3 năm liên ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng			1	2	3	6	3	3
		Tỷ lệ (%)			10,0	7,1	9,7	20,7	9,7	13,0
	ROE $\geq$ 15%	Số lượng	10	7	2	4	7	7	5	6
		Tỷ lệ (%)	33	23	20	14	23	24	16	26
	3 năm liên ROE $\geq$ 15%	Số lượng			0	0	1	3	1	2
		Tỷ lệ (%)			0,0	0,0	3,2	10,3	3,2	8,7
Ngoài nhà nước trong nước	ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng	659	417	113	317	244	472	340	392
		Tỷ lệ (%)	23	19	13	12	12	13	8	10
	3 năm liên ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng			15	14	12	25	25	70
		Tỷ lệ (%)			1,8	0,5	0,6	0,7	0,6	1,7
	ROE $\geq$ 15%	Số lượng	523	434	105	293	220	437	340	442
		Tỷ lệ (%)	18	19	12	11	10	12	8	11
	3 năm liên ROE $\geq$ 15%	Số lượng			16	11	13	28	29	59
		Tỷ lệ (%)			1,9	0,4	0,6	0,8	0,7	1,4
FDI	ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng	10	8	4	7	6	8	8	10
		Tỷ lệ (%)	59	36	57	50	38	50	26	56
	3 năm liên ROA $\geq$ 7,5%	Số lượng			1	1	2	4	3	5
		Tỷ lệ (%)			14,3	7,1	12,5	25,0	9,7	27,8
	ROE $\geq$ 15%	Số lượng	9	8	4	6	5	9	8	10
		Tỷ lệ (%)	53	36	57	43	31	56	26	56
	3 năm liên ROE $\geq$ 15%	Số lượng			2	2	2	3	3	4
		Tỷ lệ (%)			28,6	14,3	12,5	18,8	9,7	22,2

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp hàng năm - Tổng cục Thống kê.

DN có quy mô nhỏ lại chiếm tỷ trọng lớn, đóng góp nhiều trong việc tạo việc làm cho Thành phố. Vì vậy, thành phố Cần Thơ cần xây dựng chính sách riêng dành cho nhóm DN quy mô nhỏ, hỗ trợ nhóm DN cải thiện năng lực cạnh tranh và kinh doanh có lãi.

<sup>1</sup> Các DN có chỉ số ROA  $\geq$  7,5% hoặc chỉ số ROE  $\geq$  15% là các DN có chất lượng tăng trưởng tốt. Chỉ số này cần được theo dõi trong thời gian ít nhất ba năm liên tiếp.

<sup>2</sup> Tỷ lệ số lượng DN của thành phố Cần Thơ đạt được các chỉ tiêu về ROA ( $\geq$ 7,5%) và ROE ( $\geq$ 15%) trong năm nghiên cứu hoặc trong ba năm liên tiếp.

triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ, cũng như phát huy vai trò trung tâm của thành phố Cần Thơ là rất thấp. Mặc dù nhiều DN có lãi, nhưng hiệu quả kinh doanh lại thấp. Trong số các DN có lãi, chỉ có ít DN đạt được mức lợi nhuận cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng. Theo sở hữu, nhóm DN FDI là nhóm có nhiều DN kinh doanh có hiệu quả, duy trì chỉ tiêu ROE, ROA lớn hơn các ngưỡng tiêu chuẩn trong ít nhất ba năm liên tiếp và phản ánh năng lực cạnh tranh tốt. Trong khi đó, năng lực cạnh tranh của các DN ngoài nhà nước là yếu nhất (Xem: Bảng 9).

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các DN ngoài nhà nước ở thành phố Cần Thơ nói riêng và hiệu quả kinh doanh của các DN thành phố Cần Thơ nói chung. *Thứ nhất*, đó là vấn đề của môi trường kinh doanh với những nút thắt của hạ tầng giao thông khiến chi phí logistics và vận chuyển cao. *Thứ hai*, đó là vấn đề liên kết và hợp tác giữa các DN của thành phố Cần Thơ cũng như giữa DN của Thành phố với các DN trong vùng, bắt nguồn từ sự thiếu hụt các DN có quy mô vừa trong cơ cấu DN với vai trò kết nối. *Thứ ba*, thành phố Cần Thơ thiếu những DN quy mô lớn, các tập đoàn kinh tế đóng vai trò dẫn dắt phát triển, tạo sự bứt phá phát triển trong khai thác các tiềm năng thể mạnh của Thành phố cũng như của vùng TNB, dù một số DN có triển vọng phát triển như đã chỉ ra ở trên. *Thứ tư*, quy mô vốn của DN ngày càng nhỏ, dẫn tới những hạn chế trong việc tái đầu tư và mở rộng sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh đòi hỏi đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

DN thành phố Cần Thơ có những bước phát triển nhất định trong giai đoạn 2011-

2018. Tuy nhiên, bên cạnh những phân tích ở trên, kết quả điều tra khảo sát, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu của Đề tài với nhóm các cán bộ lãnh đạo các sở ngành và DN của thành phố Cần Thơ cũng cho thấy, vẫn còn nhiều vấn đề về phát triển và “nút thắt” cần được tháo gỡ, đó là: là thiếu cơ chế, chính sách đột phá để thu hút các tập đoàn kinh tế cũng như thiếu DN lớn có khả năng dẫn dắt cuộc chơi đầu tư vào thành phố Cần Thơ; hạ tầng giao thông thấp kém, đặc biệt là giao thông đường bộ và cảng biển của vùng; chưa có hạ tầng điện 500KV; chủ trương của Chính phủ thành lập các quỹ hỗ trợ DN với điều kiện tỷ lệ góp vốn đối ứng từ địa phương không triển khai được do hạn chế năng lực tài chính của chính quyền địa phương. Để khắc phục điều này, Chính phủ và chính quyền địa phương cần quan tâm đến những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ hiệu quả và phù hợp với thực tiễn (vốn, công nghệ, chuyển đổi ngành nghề kinh doanh, khởi nghiệp...) nhằm khuyến khích DN mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển, lớn mạnh của DN Cần Thơ nói riêng và của vùng TNB nói chung, nhất là đối với DN ngoài nhà nước trong nước. Đặc biệt, thành phố Cần Thơ cần có cơ chế đặc thù, đột phá để thu hút các tập đoàn kinh tế, các DN có quy mô lớn đầu tư vào Thành phố để thực sự dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm đầu tàu kéo và lan tỏa phát triển đối với các DN khác trong vùng TNB.

*Thứ hai*, trong bối cảnh DN khu vực kinh tế tư nhân còn yếu, năng lực huy động vốn đầu tư thấp, Chính phủ và chính quyền địa phương cần tập trung vào đầu tư công để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là hệ thống đường cao tốc và cảng biển

của vùng, hạ tầng điện 500KV, những điểm nghẽn cơ bản làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của các DN ở thành phố Cần Thơ và vùng TNB.

*Thứ ba*, thành phố Cần Thơ cần xác định, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhóm DN có triển vọng phát triển, kinh doanh (nhóm có ba năm liên tiếp có chỉ số ROE, ROA vượt ngưỡng tiêu chuẩn); khuyến khích và thúc đẩy nhóm DN này hình thành liên kết với các DN khác để tạo sự lan tỏa phát triển với các DN khác trong thành phố Cần Thơ và vùng TNB □

### Tài liệu tham khảo

1. Tạp chí *Vietnam Business Forum* (2020), “Ngành công nghiệp Cần Thơ: Tăng trưởng mạnh mẽ”, <http://vccinews.vn/prode/24714/nganh-cong-nghiep-can-tho-tang-truong-manh-me.html>
  2. *Thời báo doanh nhân* (2020), “Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ còn nhiều bất cập”, [http://tbdn.com.vn/Doanh-nghiep-tren-dia-ban-TP-Can-Tho-con-nhieu-bat-cap\\_n60510.html](http://tbdn.com.vn/Doanh-nghiep-tren-dia-ban-TP-Can-Tho-con-nhieu-bat-cap_n60510.html)
  3. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê hàng năm giai đoạn 2011-2018*.
  4. VCCI, *Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hàng năm giai đoạn 2011-2018*.
  5. Các báo cáo khảo sát của đề tài “Giải pháp phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới”, mã số KHCCN-TNB. ĐT/14-19/X15.
- 
- (tiếp theo trang 28)
3. Schwab, K. (2019), *The Global Competitiveness Report 2019*, World Economic Forum.
  4. Ngọc Vy (2020), *Hai kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời corona: Thấp hơn mục tiêu đề ra*, <https://vietstock.vn/2020/02/hai-kich-ban-tang-truong-kinh-te-viet-nam-thoi-corona-thap-hon-muc-tieu-de-ra-761-729993.htm>, truy cập ngày 03/3/2020.
  5. Thanh Thanh (2020), *3 kịch bản tác động của dịch Covid-19 tới kinh tế Việt Nam*, <https://baomoi.com/3-kich-ban-tac-dong-cua-dich-covid-19-toi-kinh-te-viet-nam/c/33955507.epi>, truy cập ngày 02/3/2020.
  6. Kim Thoa (2019), *Mỹ áp thuế 456% với thép Việt Nam có xuất xứ từ Hàn Quốc*, Đài Loan, <https://tuoitre.vn/my-ap-thue-456-voi-thep-viet-nam-co-xuat-xu-tu-han-quoc-dai-loan-20191217093230574.htm>, truy cập ngày 15/3/2020.
  7. Hoài Thu, Hoàng Thùy, Viêt Tuấn (2020), *Ngành du lịch thiệt hại khoảng 7 tỷ USD vì Covid-19*, <https://vnexpress.net/thoi-su/nganh-du-lich-thiet-hai-khoang-7-ty-usd-vi-covid-19-4063573.html>, truy cập ngày 15/3/2020.
  8. Bích Trâm (2020), *WHO công bố Covid-19 là đại dịch toàn cầu*, <https://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/who-cong-bo-covid19-la-dai-dich-toan-cau-9659.html>
  9. Tổng cục Thống kê (2019), *Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019*, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19454>, truy cập ngày 17/1/2020.